UBND QUẬN THANH KHÊ

TRƯỜNG THCS NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

BẢNG TÍNH ĐỊNH MỨC CHI PHÍ VÀ GIÁ THÀNH DỊCH VỤ VỆ SINH TRƯỜNG HỌC

Mục	Nội dung chi	Đơn vị tính	Định mức	Đơn giá	Chi phí	Diễn giải nội dung chi phí	Thuyết minh phương pháp xác định	Tỷ trọng
A	**Các chỉ tiêu liên quan**							
1	Tổng số học sinh	Em	1500					
2	Tổng số nhân viên vệ sinh	Người	2					
B	**TỔNG CHI PHÍ DỊCH VỤ**	**Đồng**			**103.917.600**			
I	**Chi tiền công lao động**	Đồng			**74.739.600**	Vệ sinh, lau chùi, tẩy rửa bồn	Mức khoán dịch vụ theo hợp	72%
			1	5.054.400	**45.489.600**	bệ xí, nền, cửa kính	đồng: ký kết với nhà trường là	
			1	3.250.000	**29.250.000**	trong nhà vệ sinh học sinh sạc	CS1: 5.054.400 đồng/tháng	
						đảm bảo không có mùi hôi.	CS2: 3.000.000 đồng /tháng	
II	**Chi hỗ trợ tiền nước**	Đồng	9	300.000	**2.700.000**			3%
III	**Chi mua dụng cụ và vật tư vệ sinh**				**26.478.000**			25%
1	Chổi cào nước nhà WC	cây	18	71.000	1.278.000			
2	Thùng chứa nước	Cái	18	95.000	1.710.000			
3	Gáo múc mước	Cái	18	18.000	324.000			
4	Wim chìu lolet	Chai	90	39.000	3.510.000			
5	Nước lau sàn	Chai	50	120.000	6.000.000			
6	Nước rửa tay	Chai	18	37.000	666.000			
7	Túi đựng rác nhà WC học sinh	Ký	8	37.000	296.000			
8	Lông não	Túi	70	18.000	1.260.000			
9	Cọ chùi tolet	cây	18	15.000	270.000			
10	Nước lau kính nhà WC	chai	18	28.000	504.000			
11	Giấy vệ sinh	Bành	155	40.000	6.200.000			
12	Ủng	Đôi	2	30.000	60.000			
13	Hộp đựng giấy vệ sinh	Hộp	18	15.000	270.000			
14	Cây lau sàn	cây	18	95.000	1.710.000			
15	Găng tay	Đôi	4	20.000	80.000			
16	Sọt đựng rác có nắp	Cái	18	130.000	2.340.000			
C	**GIÁ THÀNH DỊCH VỤ/HỌC SINH**	Đồng/HS/năm học	**69.278**			Làm tròn: 70.000 đồng		

Tiền thu 70.000 đồng/học sinh/năm học

Thanh Khê, ngày 18 tháng 9 năm 2023

KẾ TOÁN | **HIỆU TRƯỞNG**

Hoàng Thị Lệ Hà